

Số: 330 /QĐ-VKTTVBĐKH

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023
CỦA VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3518/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 4025/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Viện, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC. HN.

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thắng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Chương: 026

Biểu số 01

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKTTVBĐKH ngày tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NS PHÍ, LỆ PHÍ			
1	Số thu phí, lệ phí	Triệu đồng	0	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	Triệu đồng	0	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	Triệu đồng	0	
II	DỰ TOÁN CHI NSNN	Triệu đồng	28.343	
<i>a</i>	<i>Vốn trong nước</i>	Triệu đồng	<i>28.343</i>	
<i>b</i>	<i>Vốn ngoài nước</i>	Triệu đồng	<i>0</i>	
1	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	Triệu đồng	17.233	
	Vốn trong nước	-	17.233	
<i>1.1</i>	<i>Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ</i>	-	<i>12.435</i>	Phụ lục 01.1
<i>1.2</i>	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ</i>	-	<i>3.655</i>	Phụ lục 01.2
<i>a</i>	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-	0	
<i>b</i>	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-	2.655	
	<i>Chuyển tiếp</i>	-	<i>1.755</i>	
	<i>Mở mới</i>	-	<i>900</i>	
<i>c</i>	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-	0	
<i>d</i>	Nhiệm vụ thuộc Chương trình Chính phủ cấp	-	1.000	
	<i>Chuyển tiếp</i>	-	<i>1.000</i>	
	<i>Mở mới</i>	-	<i>0</i>	
<i>1.3</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	-	<i>1.143</i>	
-	Thông tin khoa học và công nghệ		200	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
-	Hội nghị, hội thảo khoa học	-	250	
-	Kinh phí hoạt động của tiểu ban KHCN: Thuộc chương trình IHP, tiểu ban Khoa học tự nhiên của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam.	-	200	
	Bảo dưỡng, Sửa chữa		30	
-	Mua sắm thay thế		463	
2	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	Triệu đồng	1.750	
	Vốn trong nước	-	1.750	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	-	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	1.750	
a	Nhiệm vụ đặc thù	-	250	
b	Mua sắm	-	0	
c	Sửa chữa	-	0	
d	Nhiệm vụ chuyên môn	-	1.500	
	Chính phủ	-	0	
	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm	-	1.500	
	Chuyển tiếp	-	1.500	Phụ lục 02
	Mở mới	-	0	
3	CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Triệu đồng	9.360	
	Vốn trong nước	-	9.360	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	-	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	9.360	
a	Mua sắm	-	0	
b	Sửa chữa	-	0	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
c	Nhiệm vụ đặc thù		448	Phụ lục III.2
d	Nhiệm vụ chuyên môn		8.912	Phục lục 03
d1	<i>Chuyển tiếp</i>		8.912	
d2	<i>Mở mới</i>		0	



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Chương 026

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1058575

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKTTVBĐKH ngày tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	Dự toán năm 2023	Ghi chú
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ			
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		28.343	
I	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (LOẠI 100 KHOẢN 103)		17.233	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	Kho bạc NN Đống Đa - Hà Nội (MS: 0015)	0	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		13.578	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		3.655	
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (LOẠI 280 KHOẢN 332)		1.750	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	Kho bạc NN Đống Đa - Hà Nội (MS: 0015)	0	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.750	
III	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (LOẠI 250)		9.360	
III.1	ĐIỀU TRA QUAN TRÁC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG (KHUẢN 251)		448	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	Kho bạc NN Đống Đa - Hà Nội (MS: 0015)	0	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		448	
III.2	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC (LOẠI 250-KHOẢN 278)		8.912	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		8.912	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Chương 026

Phụ lục I.1
KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG NĂM 2023
Nguồn: Sự nghiệp khoa học và công nghệ
Đơn vị: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKTTVBĐKH ngày tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Kế hoạch 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ		12.435	12.435	
1	KHTV.2023.01: Quản lý tổ chức cán bộ, tài chính và hành chính, quản trị của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	2023	2.993,6	2.993,6	
2	KHTV.2023.02: Xây dựng kế hoạch và quản lý khoa học và công nghệ; Thông tin, tuyên truyền KH và CN; Hợp tác quốc tế; Quản lý, vận hành, sử dụng trang thiết bị KH và CN của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	2023	699,8	699,8	
3	KHTV.2023.03: Thực hiện các bản tin dự báo thời tiết, mưa lớn, xoáy thuận nhiệt đới, khí hậu và giám sát hạn hán năm 2023	2023	1.113,4	1.113,4	
4	KHTV.2023.04: Đánh giá điều kiện khí tượng nông nghiệp vụ đông xuân và vụ mùa; giám sát, cảnh báo các hiện tượng thời tiết bất lợi ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp phục vụ thành lập và cung cấp bản tin thông báo khí tượng nông nghiệp năm 2023	2023	952,1	952,1	
5	KHTV.2023.05: Đánh giá đặc điểm, diễn biến và cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo thủy văn, hải văn	2023	2.151,7	2.151,7	
6	KHTV.2023.06: Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường và công nghệ xử lý nước thải	2023	1.589,0	1.589,0	
7	KHTV.2023.07: Phát triển, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ khí tượng thủy văn, môi trường và biến đổi khí hậu	2023	652,1	652,1	
8	KHTV.2023.08: Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ triển khai thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của Việt Nam	2023	714,1	714,1	
9	KHTV.2023.09: Đánh giá xu thế biến đổi của các yếu tố khí hậu, thủy văn, khả năng xâm nhập mặn vùng cửa sông khu vực Nam Bộ đến năm 2023 và đề xuất các giải pháp ứng phó trong điều kiện biến đổi khí hậu của khu vực nghiên cứu	2023	1.569,1	1.569,1	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Chương 026

Phụ lục I.2**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2023**

Nguồn: Sự nghiệp khoa học và công nghệ

Đơn vị: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKTTVBĐKH ngày tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Dự toán được duyệt	Lũy kế đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
1	2	3		4	5	6	9
	TỔNG SỐ			11.203	3.200	4.798	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			10.060	3.200	3.655	
1	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia			0	0	0	
2	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ			5.920	1.200	2.655	
a	Chuyên tiếp			2.955	1.200	1.755	
	TNMT.2022.02.15 Nghiên cứu đổi mới công nghệ dự báo khí hậu nông nghiệp. Áp dụng cho dự báo điều kiện khí hậu nông nghiệp và tác động đến sản xuất lúa ở khu vực đồng bằng sông Hồng	2022-2023	QĐ số 2331/QĐ-BTNMT ngày 26/11/2021	1.515	600	915	
	TNMT.2022.06.08. Nghiên cứu đổi mới công nghệ dự báo các đợt rét đậm, rét hại, mưa lớn trong mùa đông ở khu vực phía Bắc Việt Nam hạn đến 10 ngày dựa trên quy luật hoạt động của dòng xiết cận nhiệt đới	2022-2023	QĐ số 2324/QĐ-BTNMT ngày 26/11/2021	1.440	600	840	
b	Mở mới			2.965	0	900	
	TNMT.2023.06.07. Nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng mô hình phân giải mây (Cloud resolving model) tích hợp với mô hình khu vực dự báo định lượng mưa lớn thời đoạn 6h với hạn dự báo 24-48h cho khu vực Trung Trung Bộ	2023-2024		1465	0	450	
	TNMT.2023.06.08. Nghiên cứu ứng dụng hệ thống mô hình tích hợp khí tượng - thủy văn WRF-Hydro cảnh báo sớm lũ. Áp dụng thí điểm cho các lưu vực sông Vệ, Trà Khúc	2023-2025		1500	0	450	
3	Đề tài cấp cơ sở			0	0	0	
4	Nhiệm vụ thuộc Chương trình kinh phí CP cấp			4.140	2.000	1.000	

TT	Chỉ tiêu	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Dự toán được duyệt	Lũy kế đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
	Chuyển tiếp			4.140	2.000	1.000	
	TNMT.2022.885.04. Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ khoanh vùng khu vực trồng trọt hữu cơ theo đặc trưng tài nguyên và môi trường tại vùng trung du và miền núi Bắc Bộ	2022-2024	QĐ số 781/QĐ-BTNMT ngày 27/4/2021	4.140	2.000	1.000	
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			1.143	0	1.143	
1	Thông tin khoa học và công nghệ	2023	QĐ số 325/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 30/12/2022	200	0	200	
2	Hội nghị, hội thảo khoa học	2023	QĐ số 326/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 30/12/2022	250	0	250	
3	Kinh phí hoạt động của tiểu ban KHCN: Thuộc chương trình IHP, tiểu ban Khoa học tự nhiên của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam.	2023	QĐ số 327/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 30/12/2022	200	0	200	
4	Bảo dưỡng, Sửa chữa	2023	QĐ số 328/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 30/12/2022	30	0	30	
5	Mua sắm thay thế	2023	QĐ số 4025/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022	463	0	463	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Chương 026

Phụ lục II.1

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN, QUY HOẠCH NĂM 2023

Nguồn: Các hoạt động kinh tế

Đơn vị: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKTTVBĐKH ngày tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Lũy kế đến hết năm 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ			5.289	980	1.500	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			0	0	0	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			5.289	980	1.500	
	Nhiệm vụ chuyên môn cấp Bộ			5.289	980	1.500	
-	Nhiệm vụ chuyển tiếp			5.289	980	1.500	
	Xây dựng hệ thống công cụ hỗ trợ giám sát và cảnh báo thiên tai phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai ở vùng đồng bằng sông Cửu Long dưới tác động của biến đổi khí hậu	Quyết định số 2256/QĐ-BTNMT ngày 18/11/2021	2021-2024	5.289	980	1.500	

Ghi chú:

(1) Dự toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, tự đảm bảo chi thường xuyên, tự đảm bảo một phần chi

(2) Các nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao cơ chế tự chủ.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Chương 026

Phụ lục II.2

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẶC THÙ NĂM 2023

Nguồn: Các hoạt động kinh tế

Đơn vị: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKTTVBĐKH ngày tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Kế hoạch 2022	Ghi chú
1	2		3	4	6	7
	TỔNG SỐ			250	250	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			0	0	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			250	250	
	Dự báo thời tiết, mưa lớn và quỹ đạo bão, áp thấp nhiệt đới bằng mô hình số trị	Quyết định số 321/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 30/12/2022	2023	250	250	

Ghi chú:

(1) Dự toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, tự đảm bảo chi thường xuyên, tự đảm bảo một phần chi

(2) Các nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao cơ chế tự chủ.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Chương 026

Phụ lục III.1**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN, QUY HOẠCH NĂM 2023****Nguồn: Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường****Đơn vị: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKTTVBĐKH ngày tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Lũy kế đến hết năm 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ			12.409	0	8.912	
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			0	0	0	
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			12.409	0	8.912	
	Nhiệm vụ chuyển tiếp			12.409	0	8.912	
1	Phân vùng rủi ro thiên tai và lập bản đồ cảnh báo lũ quét, sạt lở đất và sụt lún đất do mưa tại khu vực Trung du và miền núi	Quyết định số 1740/QĐ-BTNMT ngày 09/9/2021	2021-2024	9.314	0	7.179	Nhiệm vụ phối hợp với Tổng cục KTTV
2	Phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão và nước dâng do bão	Quyết định số 1097/QĐ-BTNMT ngày 25/5/2022	2022-2024	3.095	0	1.733	
	Nhiệm vụ mở mới			0	0	0	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Chương 026

Phụ lục III.2

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẶC THÙ NĂM 2023

Nguồn: Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Đơn vị: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKTTVBĐKH ngày tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Lũy kế đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ			448	0	448	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			0	0	0	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			448	0	448	
	Triển khai hoạt động quan trắc lắng đọng axit trong khuôn khổ Mạng lưới giám sát lắng đọng a xít vùng Đông Á (EANET)	Quyết định số 322/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 30/12/2022	2023	448	0	448	

Ghi chú:

(1) Dự toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, tự đảm bảo chi thường xuyên, tự đảm bảo một phần chi

(2) Các nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao cơ chế tự chủ.